

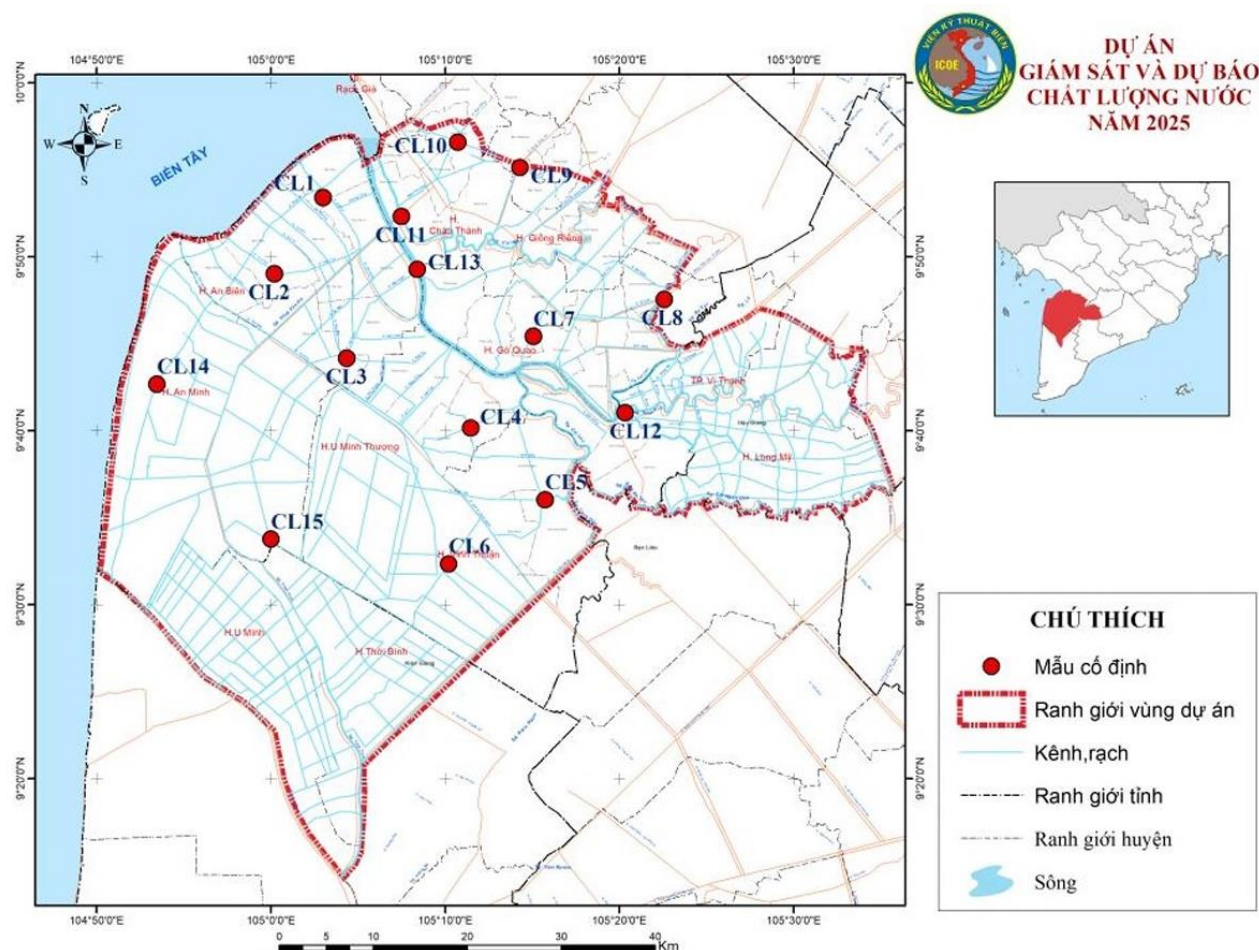
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2025

BẢN TIN TUẦN KỲ 12

“Đợt đo ngày 12/05/2025, dự báo từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025”

1. Vị trí dự báo chất lượng nước từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong Hình 1.



Hình 1. Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

2. Dự báo chất lượng nước ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: Độ mặn, DO, BOD₅, T-N từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025 được thể hiện qua các **Bảng 1** đến **Bảng 4** như sau:

2.1. Độ mặn

Đối với Độ mặn, dự báo cho thấy sự biến động lớn giữa các điểm, dự báo cho thấy sự biến động lớn giữa các điểm, với giá trị Min dao động từ 0,01‰ đến 20,81‰ và Max dao động từ 0,13‰ đến 22,69‰. Các khu vực ven biển hoặc chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều như CL2, CL6, CL14, CL15 được dự báo có độ mặn duy trì ở mức cao (> 4‰). Các vị trí như CL7, CL8, CL9, CL10, CL11, CL12 được dự báo có độ mặn thấp (< 1‰). Cần theo dõi chặt chẽ diễn biến độ mặn thực tế và có kế hoạch lấy nước phù hợp cho sản xuất, đặc biệt tại các khu vực dự báo độ mặn cao để tránh thiệt hại.

Bảng 1. Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (‰)									Min	Max
	27/05	28/05	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06			
CL1	9,92	10,00	10,11	9,95	9,26	9,70	8,84	9,19	8,84	10,11	
CL2	16,93	14,77	14,57	14,08	13,78	13,26	12,44	11,69	11,69	16,93	
CL3	7,93	8,08	8,61	8,98	9,16	9,27	9,34	9,20	7,93	9,34	
CL4	5,67	5,57	6,37	4,94	5,61	6,18	4,97	4,62	4,62	6,37	
CL5	11,04	11,40	11,69	11,73	11,32	10,63	10,07	11,82	10,07	11,82	
CL6	18,74	18,64	18,44	18,38	18,39	18,47	18,56	18,65	18,38	18,74	
CL7	0,33	0,32	0,33	0,34	0,35	0,36	0,38	0,39	0,32	0,39	
CL8	0,17	0,06	0,15	0,15	0,17	0,04	0,01	0,18	0,01	0,18	
CL9	0,13	0,16	0,10	0,14	0,04	0,14	0,08	0,20	0,04	0,20	
CL10	0,15	0,06	0,13	0,12	0,04	0,10	0,01	0,01	0,01	0,15	
CL11	0,62	0,64	0,64	0,63	0,61	0,58	0,54	0,50	0,50	0,64	
CL12	0,13	0,06	0,09	0,08	0,04	0,07	0,08	0,05	0,04	0,13	
CL13	5,00	5,19	5,30	5,05	4,94	4,63	4,21	3,90	3,90	5,30	
CL14	20,30	20,23	20,25	20,22	20,26	20,56	20,40	20,63	20,22	20,63	
CL15	20,81	20,82	21,08	21,61	22,34	22,69	22,08	21,02	20,81	22,69	
Ranh mặn	< 1‰	1‰ ÷ 4‰	> 4‰								

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Kết quả dự báo hàm lượng DO từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025 cho thấy nhiều vị trí có giá trị DO dự báo Min đạt Mức B ($\geq 5,0$ mgO₂/l). Tuy nhiên, một số điểm vẫn được dự báo có giá trị DO Min dưới ngưỡng Mức B, cụ thể là CL1 (Min 4,90 mgO₂/l), CL7 (Min 3,96 mgO₂/l), CL10 (Min 4,67 mgO₂/l), và CL11 (Min 4,59 mgO₂/l).

Bảng 2. Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025

Kí hiệu	DO dự báo (mgO2/l)									
	27/05	28/05	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	Min	Max
CL1	4,90	5,00	5,08	5,12	5,14	5,15	5,13	5,07	4,90	5,15
CL2	6,31	6,34	6,34	6,32	6,31	6,30	6,30	6,28	6,28	6,34
CL3	5,39	5,37	5,33	5,31	5,30	5,30	5,31	5,32	5,30	5,39
CL4	5,62	5,60	5,58	5,56	5,53	5,50	5,47	5,42	5,42	5,62
CL5	5,21	5,28	5,37	5,43	5,48	5,51	5,54	5,54	5,21	5,54
CL6	5,55	5,60	5,69	5,73	5,73	5,73	5,70	5,67	5,55	5,73
CL7	4,45	4,41	4,31	4,13	3,96	3,99	4,07	4,16	3,96	4,45
CL8	6,07	6,03	5,99	5,97	5,96	5,94	5,93	5,91	5,91	6,07
CL9	5,69	5,69	5,67	5,63	5,60	5,60	5,63	5,66	5,60	5,69
CL10	4,73	4,79	4,81	4,81	4,78	4,75	4,72	4,67	4,67	4,81
CL11	4,86	4,83	4,80	4,76	4,74	4,72	4,65	4,59	4,59	4,86
CL12	5,40	5,40	5,42	5,47	5,52	5,57	5,61	5,65	5,40	5,65
CL13	5,38	5,39	5,37	5,34	5,29	5,22	5,16	5,53	5,16	5,53
CL14	5,88	5,89	5,89	5,89	5,89	5,89	5,89	5,91	5,88	5,91
CL15	5,33	5,31	5,44	5,54	5,60	5,64	5,97	5,97	5,31	5,97
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≥ 6,0			Đạt Mức B: ≥ 5,0			Không đạt Mức B: < 5,0			
Khuyến cáo	Từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025, kết quả dự báo DO cho thấy cần chú ý khi lấy nước phục vụ sản xuất tại các vị trí có giá trị DO Min dưới ngưỡng mức B để tránh ảnh hưởng đến vật nuôi và cây trồng nhạy cảm với nồng độ oxy thấp.									

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo tại hệ thống CTTL CLCB từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025 tiếp tục cho thấy tình trạng ô nhiễm hữu cơ phổ biến trong hệ thống. So với quy chuẩn QCVN 08:2023 Mức B (≤ 6 mg/l), BOD₅ dự báo Min vượt ngưỡng tại tất cả 15 điểm giám sát. Các giá trị dự báo Min dao động từ 7,75 mgO₂/l (CL12) đến 17,07 mgO₂/l (CL11).

Bảng 3. Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025

Kí hiệu	BOD ₅ (mgO ₂ /l)									
	27/05	28/05	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	Min	Max
CL1	8,48	8,48	8,38	8,37	8,48	8,48	8,38	8,35	8,35	8,48
CL2	12,33	12,38	12,38	12,32	12,26	12,27	12,31	12,31	12,26	12,38
CL3	12,26	11,46	11,01	10,86	10,96	11,29	11,68	12,03	10,86	12,26
CL4	18,22	18,49	18,70	18,73	18,56	18,58	16,25	18,01	16,25	18,73
CL5	8,61	8,58	8,60	8,59	8,56	8,52	8,46	8,40	8,40	8,61
CL6	16,12	15,96	15,87	15,78	15,78	15,90	16,12	16,73	15,78	16,73
CL7	8,04	8,06	8,11	8,16	8,16	8,17	8,16	8,16	8,04	8,17
CL8	11,43	11,41	11,37	11,33	11,29	11,25	11,22	11,21	11,21	11,43
CL9	16,12	15,41	14,60	14,07	13,88	13,90	14,06	14,30	13,88	16,12
CL10	11,76	11,73	11,70	11,69	11,68	11,68	11,66	11,65	11,65	11,76
CL11	17,07	17,35	17,62	17,70	17,75	17,84	17,87	17,73	17,07	17,87
CL12	7,76	7,80	7,81	7,82	7,80	7,77	7,75	7,75	7,75	7,82
CL13	14,46	14,46	14,53	14,68	14,97	15,41	15,83	16,10	14,46	16,10
CL14	9,49	9,58	9,72	9,91	10,07	10,13	10,06	9,91	9,49	10,13
CL15	10,07	10,07	10,07	10,11	10,10	10,05	9,99	9,94	9,94	10,11
QCVN08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 4			Đạt Mức B: ≤ 6			Không đạt Mức B: > 6			
Khuyến cáo	Hàm lượng Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD ₅) dự báo từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025 cho thấy giá trị BOD ₅ dự báo Min vượt ngưỡng tại tất cả 15 điểm giám sát. Người dân và các đơn vị quản lý cần đặc biệt lưu ý và thực hiện các biện pháp xử lý nước phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước từ hệ thống.									

2.4. Nito Tổng (T-N)

Đối với Nito Tổng (T-N), kết quả dự báo từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025 cũng cho thấy tình trạng ô nhiễm dinh dưỡng tiếp diễn trong hệ thống. So sánh với quy chuẩn QCVN 08:2023 Mức B ($\leq 1,5$ mg/l), T-N dự báo vượt ngưỡng Mức B tại nhiều vị trí. Cụ thể, các điểm CL3, CL4, CL5, CL6, CL7, CL8, CL9, CL10, CL11, CL12, CL13, CL14, CL15 đều có giá trị T-N dự báo Min vượt quá ngưỡng Mức B. Chỉ có CL1 (Min 0,84 mg/l, Max 0,90 mg/l) và CL2 (Min 1,36 mg/l, Max 1,48 mg/l) được dự báo duy trì nồng độ T-N trong ngưỡng Mức B.

Bảng 4. Giá trị dự báo T-N tại các điểm giám sát từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025

Kí hiệu	T-N (mg/l)									
	27/05	28/05	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	Min	Max
CL1	0,90	0,89	0,88	0,88	0,88	0,86	0,85	0,84	0,84	0,90
CL2	1,48	1,46	1,45	1,43	1,42	1,42	1,40	1,36	1,36	1,48
CL3	2,36	2,49	2,55	2,55	2,57	2,57	2,56	3,04	2,36	3,04
CL4	5,18	5,06	4,94	4,83	4,72	4,65	4,67	4,81	4,65	5,18
CL5	4,32	3,89	3,30	3,53	3,86	4,18	4,46	4,53	3,30	4,53
CL6	3,19	2,97	2,84	2,79	2,79	2,75	2,66	2,58	2,58	3,19
CL7	1,62	1,67	1,69	1,69	1,69	1,70	1,70	1,71	1,62	1,71
CL8	1,95	1,98	2,04	2,16	2,29	2,39	2,47	2,56	1,95	2,56
CL9	3,46	3,40	3,61	4,16	4,60	4,54	4,25	4,04	3,40	4,60
CL10	2,42	2,39	2,37	2,33	2,30	2,29	2,29	2,31	2,29	2,42
CL11	4,45	4,49	4,50	4,46	4,51	4,74	5,38	5,67	4,45	5,67
CL12	2,17	2,15	2,26	2,41	2,48	2,49	2,46	2,42	2,15	2,49
CL13	3,69	3,70	3,67	3,65	3,68	3,79	3,84	3,79	3,65	3,84
CL14	1,80	1,90	1,99	2,08	2,17	2,27	2,34	2,40	1,80	2,40
CL15	1,81	1,80	1,81	1,82	1,80	1,76	1,72	1,67	1,67	1,82
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 0,6			Đạt Mức B: ≤ 1,5			Không đạt Mức B: > 1,5			
Khuyến cáo	Kết quả dự báo nồng độ Tổng Nitơ (T-N) từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025 cho thấy tình trạng ô nhiễm dinh dưỡng tiếp diễn trong hệ thống. Cần tăng cường giám sát các nguồn thải gây ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng vào hệ thống.									

Khuyến nghị chung:

- Kết quả dự báo các chỉ tiêu chất lượng nước từ ngày 27/05/2025 đến 03/06/2025 cho thấy: tình trạng nhiều chỉ tiêu ô nhiễm được dự báo vượt quá giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2023/BTNMT (Mức B), đặc biệt là BOD₅ (vượt ngưỡng tại tất cả các điểm) và T-N (vượt ngưỡng tại hầu hết các điểm), người dân và các đơn vị quản lý cần đặc biệt lưu ý và thực hiện các biện pháp xử lý nước phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước từ hệ thống cho mục đích sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.
- Người dân và các đơn vị quản lý cần tăng cường giám sát các nguồn thải gây ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng vào hệ thống. Đồng thời, cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến chất lượng nước trong các kỳ tiếp theo.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng